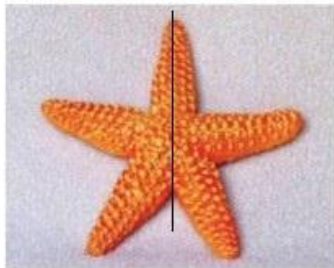


I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức: - Biết dùng phân số để biểu thị số phần như nhau trong tình huống thực tiễn đơn giản hay để biểu thị thương của phép chia số nguyên cho số nguyên. 2. Kỹ năng: - Biết biểu diễn (viết) số nguyên ở dạng phân số. - Nhận biết và giải thích được hai phân số bằng nhau. 3. Phẩm chất, năng lực: - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. - Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán. II. NỘI DUNG GHI BÀI Tên bài: PHÂN SỐ VỚI TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ LÀ SỐ NGUYÊN. 1. Mở rộng khái niệm phân số. HĐKP1: Xem sách Tổng quát: (SGK/7) Chú ý: (SGK/8) Thực hành 1 $\frac{17}{3}$: Trừ mười một phần năm, tử số: -11, mẫu số: 5	3. Biểu diễn số nguyên ở dạng phân số HĐKP3: Ví dụ: Thương của phép chia -8 cho 1 là -8 và cũng viết thành phân số $\frac{-8}{1}$ Tổng quát: (SGK/9) Thực hành 3 $\frac{-23}{1}, \frac{-57}{1}, \frac{237}{1}$ III. NHIỆM VỤ HỌC TẬP - Xem lại các phần trọng tâm được tô màu xanh lá trong bài. - Xem lại các ví dụ và các bài thực hành, vận dụng. - Làm các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong Sách giáo khoa trang 9. - Hướng dẫn: Câu 1: Hình vẽ có tất cả mấy ô? Mình cần tô bao nhiêu ô? Câu 2: $\frac{13}{-3}$ Mười ba phần trừ ba $\frac{-25}{6}$ Trừ hai mươi lăm phần sáu ... Câu 3: Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ nhất bơm được trong 1 giờ là $\frac{1}{3}$ Phân số biểu thị lượng nước máy bơm thứ hai bơm được trong 1 giờ là: $\frac{-1}{5}$ Câu 4:
---	--

$\frac{-3}{8}$: Trừ ba phần tám, tử số: -3, mẫu số: 8 2. Phân số bằng nhau HĐKP2: a) Hình b minh họa cho sự bằng nhau của hai phân số $\frac{4}{10}$ và $\frac{2}{5}$ b) Tích $3.8 = 4.6$. Với hình b, ta có $4.5 = 10.2$ <i>Chú ý:</i> (SGK/8) Thực hành 2 a) Cặp phân số $\frac{-15}{8}$ và $\frac{16}{-30}$ bằng nhau, vì $-8.30 = 15.16$ b) Cặp phân số $\frac{7}{15}$ và $\frac{9}{-16}$ không bằng nhau vì $7.(-16)$ khác 15.	Trong các cặp phân số trên, cặp phân số $\frac{-12}{16}$ và $\frac{6}{-8}$ bằng nhau vì: $(-12) . (-8) = 16 . 6$ Câu 5: a. $\frac{2}{1}$ b. $\frac{-5}{1}$ c. $\frac{0}{1}$ IV. DẶN DÒ - Ghi bài và làm các bài tập đầy đủ. - Xem trước bài 2 TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ.
--	--

CHỦ ĐỀ: HÌNH HỌC TRỰC QUAN

I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức: - Nhận biết được hình phẳng có trục đối xứng. - Chỉ ra được trục đối xứng của 1 hình. 2. Kỹ năng: Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng. 3. Phẩm chất - Năng lực: - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. - Năng lực tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học II. NỘI DUNG GHI BÀI Tên bài: HÌNH CÓ TRỤC ĐỐI XỨNG.	Thực hành 2:  III. NHIỆM VỤ HỌC TẬP - Xem lại các phần trọng tâm được tô màu xanh lá trong bài. - Xem lại các ví dụ và các bài thực hành, vận dụng. - Đọc phần Em có biết - Làm các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong Sách giáo khoa trang 54, 55. - Hướng dẫn:
---	---

1. Hình có trục đối xứng. Trục đối xứng

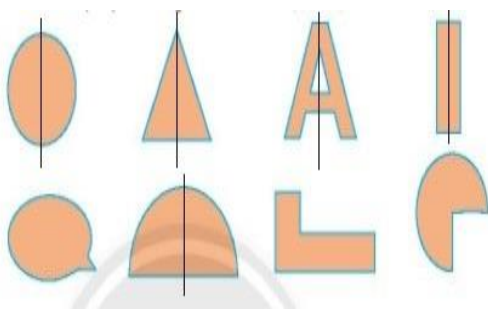
HĐKP1: Nhận xét: Khi gấp theo đường nét đứt hai phần của mỗi hình sẽ chồng khít lên nhau

=> **Đó là những hình có trục đối xứng, đường nét đứt chính là trục đối xứng.**

Ví dụ 1: Xem sách.

Thực hành 1:

Giải:



Vận dụng: Hình a có 2 trục đối xứng.

2. Nhận biết những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng

Bài 1: hình b, c có 1 trục đối xứng, hình d có 2 trục đối xứng

Bài 2: Hình a, b phải; hình c không phải.

Bài 3:

a) Hình vuông có 4 trục đối xứng là 2 đường chéo và 2 đường thẳng đi qua giao điểm 2 đường chéo và vuông góc với cạnh.

d) Hình bình hành không có trục đối xứng.

IV. DẶN DÒ

- Ghi bài và làm các bài tập đầy đủ.
- Xem trước bài 2. HÌNH CÓ TÂM ĐỐI XỨNG.

MÔN TOÁN KHỐI 6

TUẦN 20

Chủ đề: **PHÂN SỐ**

TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP

BÀI 2: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

1. Tính chất 1:

HĐKP 1:

$$a) \frac{3 \cdot (-7)}{-5 \cdot (-7)} = \frac{-21}{35}$$

THỰC HIỆN NHƯ SAU:

$$\frac{-7}{5} = \frac{-7 \cdot 6}{5 \cdot 6} = \frac{-42}{30}; \frac{5}{-10} = \frac{5 \cdot (-3)}{(-10) \cdot (-3)} = \frac{-15}{30}$$

Số 30 gọi là mẫu số chung của hai phân số $\frac{-6}{5}$ VÀ $\frac{3}{-10}$

Chú ý: (đọc SGK/10)

Ví dụ 3: (đọc SGK/11)

2. Tính chất 2: (sgk/11)

$$b) \frac{3}{-5} = \frac{-21}{35}$$

C) HS TỰ LÀM

Tính chất 1: (sgk/10)

$$\frac{a}{b} = \frac{a \cdot m}{b \cdot m} \quad (m \in \mathbb{Z}, m \neq 0)$$

Ví dụ:

$$a) \frac{4}{-7} = \frac{4 \cdot 3}{-7 \cdot 3} = \frac{12}{-21}$$

$$b) \frac{4}{-7} = \frac{4 \cdot (-5)}{-7 \cdot (-5)} = \frac{-20}{35}$$

$$c) 25 = \frac{25}{1} = \frac{25 \cdot (-2)}{-2} = \frac{-50}{-2}$$

Có thể quy đồng mẫu số hai phân số bằng cách nhân tử và mẫu của mỗi phân số với số nguyên thích hợp

Ví dụ: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{-7}{5}$ VÀ $\frac{5}{-10}$

$$\frac{-15}{20} = \frac{-15:5}{20:5} = \frac{-3}{4}$$

Thực hành 1:

$$* \frac{-18}{76} = \frac{-18:2}{76:2} = \frac{-9}{38}$$

HOẶC:

$$\frac{-18}{76} = \frac{-18:....}{76:....} = \frac{....}{....}$$

$$* \frac{125}{-375} = \frac{125:5}{-375:5} = \frac{-25}{75}$$

Hoặc:

$$\frac{125}{-375} = \frac{125:....}{-375:....} = \frac{....}{....}$$

Thực hành 2:

$$\frac{3}{-5} = \frac{3 \cdot (-1)}{(-5) \cdot (-1)} = \frac{-3}{5}$$

Tổng quát:

$$\frac{a}{-B} = \frac{-a}{B} \quad (b > 0)$$

Chú ý: Mỗi phân số đều có nhiều ps bằng nó.

HĐKP 2:

$$a) \frac{-20:(-5)}{30:(-5)} = \frac{4}{-6}$$

$$b) \frac{-20}{30} = \frac{4}{-6} \text{ VÌ:(HS GHI TIẾP)}$$

C) HS TỰ LÀM

Tính chất 2: (sgk/11)

$$\frac{a}{b} = \frac{a:q}{b:q} \quad (q \in \mathbb{U}C(a, b))$$

Ví dụ 4: (đọc SGK/11)

* Có thể rút gọn phân số bằng cách chia tử và mẫu cho cùng ước chung khác 1 và -1.

Ví dụ 5: (đọc SGK/11)

Ví dụ: Rút gọn phân số $\frac{-15}{20}$

II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP (Học sinh tự làm và kiểm tra kiến thức lĩnh hội qua bài học)

- Làm các bài tập 1, 2, 3 ở SGK/12 tương tự các ví dụ.

- Bài 4 SGK/12:

Hướng dẫn:

$$15 \text{ phút} = \frac{15}{60} h = \frac{1}{4} h$$

(Làm tương tự bài còn lại)

- Bài 5 SGK/12:

$$20 \text{ kg} = \frac{20}{100} t\text{A} = \frac{1}{5} t\text{A}$$

(Làm tương tự bài còn lại)

Bài 6 SGK/12:

$$\text{Hình a) } \frac{2}{8} = \frac{1}{4}$$

(Làm tương tự hình còn lại)

III. DẶN DÒ

- Học thuộc các tính chất cơ bản của phân số.

	- Hoàn thành tiếp các ví dụ vào vở bài học. - Thực hiện nhiệm vụ học tập. - Chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo (học liệu ở K12).
--	---

Chủ đề: HÌNH CÓ TÂM ĐỐI XỨNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hình có tâm đối xứng. Tâm đối xứng của một hình phẳng

2. Kỹ năng

- Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.

- Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều).

3. Phẩm chất năng lực

Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

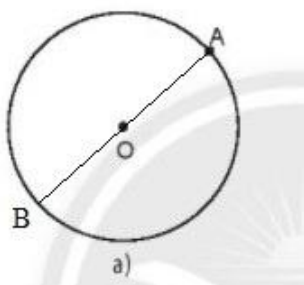
I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP

BÀI 2: HÌNH CÓ TÂM ĐỐI XỨNG

1. Hình có tâm đối xứng. Tâm đối xứng

HĐKP:

a) O là trung điểm của AB

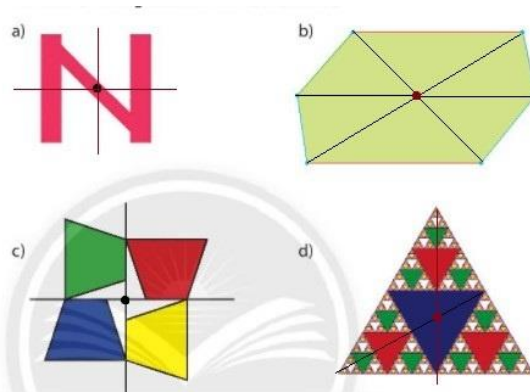


Đường tròn (O) là hình có tâm đối xứng và O là tâm đối xứng của đường tròn (O).

Hình bình hành ABCD là hình có tâm đối xứng và giao điểm I của hai đường chéo là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD.

Ví dụ: (SGK/56)

Thực hành 1:



Hình a,b,c có tâm đối xứng, hình d không có tâm đối xứng.

Vận dụng:

Các hình có tâm đối xứng là:

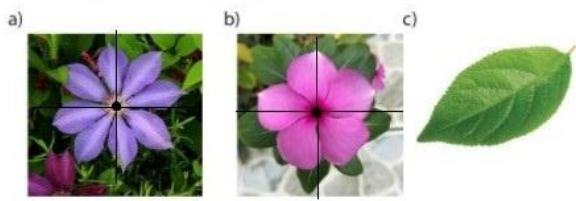
.....

Các hình không có tâm đối xứng là:

2. Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có đối xứng

Thực hành 2:

b) $IM = IM'$

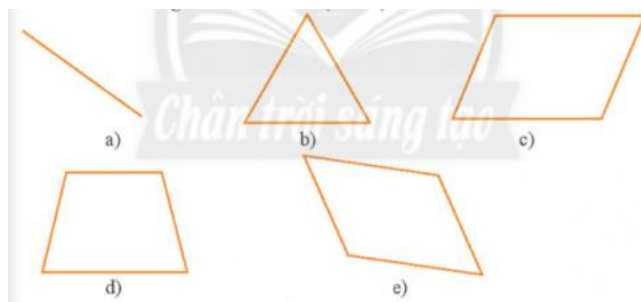


II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP

- Làm các bài tập 1 đến 4 ở SGK/58

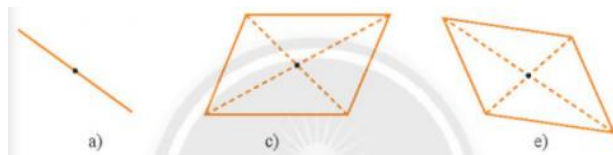
- Bài tập:

1/Tìm tâm đối xứng của mỗi hình sau:



Hình a), c) và e) có tâm đối xứng, với tâm đối xứng được chỉ ra như hình vẽ

Hình b), d) không có tâm đối xứng



2. Chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng:

a) H A N O I

b) N I N H B I N H

c) C A M A U

Hình có tâm đối xứng là:

Hình không có tâm đối xứng là:

III. DẶN DÒ

- Các em làm tiếp bài vận dụng, thực hành (điền tiếp vào chỗ chấm chấm).

- Làm theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

- Đọc trước bài 3. So sánh phân số và bài 3. Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên.